TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/DS-ST
Ngày: 25-6-2024
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA – BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Trứ
Ông Nguyễn Xuân Trường

-Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: Ông Vi Đăng K - Kiểm sát viên

Ngày 25/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-DS ngày 30/5/2024 giữa:

**Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc K1, sinh năm 1964 (có mặt)*
Nơi cư trú: thôn G, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang
**Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1976 (vắng mặt)*
Nơi cư trú: thôn C, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang.
****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***
-Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1972 (vắng mặt)
(Bà U ủy quyền cho ông K1)
Nơi cư trú: thôn G, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang
-Chị Hà Thị T, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)
(Chị T ủy quyền cho anh C)
Nơi cư trú: thôn C, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2024, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc K1 trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 25/10/2017 âm lịch thì anh C có đến nhà ông hỏi vay tiền mục đích để kinh doanh bán tạp hóa của gia đình nên ông đã cho anh C vay số tiền 95.000.000 đồng, lãi thỏa thuận bằng miệng là 1%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng. Hai bên có viết giấy vay tiền, anh C đã cầm tiền đầy đủ, chữ viết tại giấy vay và chữ ký tại phần người vay tiền là do anh C viết và ký. Ông xác định đây là nợ chung của vợ chồng anh C và là tài sản riêng của cá nhân ông. Ông xác định anh C trả được khoảng 7 triệu tiền lãi còn số tiền gốc vẫn chưa trả được ít tiền nào. Nay

ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh C trả cho cá nhân ông số tiền gốc là 95.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi tính 10%/năm tính từ ngày 25/10/2017 âm lịch (tức ngày 12/12/2017 dương lịch) cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa ông K1 có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình

*Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2024 như sau: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 25/10/2017 âm lịch, anh có đến nhà ông K1 hỏi vay tiền mục đích để kinh doanh bán tạp hóa của gia đình nên anh có vay của ông K1 nhiều lần và ngày 25/10/2017 âm lịch thì hai bên có viết chốt vay số tiền 95.000.000 đồng, lãi thỏa thuận bằng miệng là 2000 đồng/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay là 03 tháng. Hai bên có viết giấy vay tiền, anh C đã cầm tiền đầy đủ, chữ viết tại giấy vay và chữ ký tại phần người vay tiền ngày 25/10/2017 âm lịch. Anh xác định nội dung chữ viết tại giấy vay tiền là do anh viết và ký, còn chữ *"H"* tại phần người vay tiền trong giấy biên nhận vay tiền thảo thuận đề ngày 25/10/2017 âm lịch là do vợ anh viết. Anh xác định đây là nợ chung của vợ chồng. Kể từ ngày vay đến nay anh xác đã trả được khoảng 20 triệu tiền gốc, anh sẽ cung cấp cho Tòa án trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 23/5/2024, còn lãi thì anh trả được vài tháng, sau đó khó khăn anh xin không trả nữa.

Nay ông K1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh trả cho cá nhân ông K1 số tiền gốc là 95.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi tính 10%/năm, tính từ ngày 25/10/2017 âm lịch cho đến ngày xét xử, thì anh đồng ý trả số tiền gốc, còn lãi thì anh xin được miễn không trả do khó khăn.

Tại phiên tòa anh C vắng mặt

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị U (vợ ông K1) trình bày: Bà không biết việc ông K1 chồng bà cho anh C vay tiền cụ thể như thế nào. Bà xác định số tiền ông K1 cho anh C vay là tiền của cá nhân ông K1, không liên quan đến tài sản chung của vợ chồng. Bà ủy quyền cho chồng bà là ông Nguyễn Ngọc K1 tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý đến khi kết thúc vụ án. Mọi quyết định của ông K1 là quyết định của bà.

Tại phiên tòa bà U vắng mặt

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị T trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2024 như sau:

Chị đã được Tòa án cho xem giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận đề ngày 25/10/2017 âm lịch, chị xác định chữ ký *"Hà Tân"* tại phần người vay ký tên là do chị ký, lý do chị ký là vì gia đình chị có vay số tiền để đáo hạn ngân hàng, sau đó ông K1 đưa cho giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận đề ngày 25/10/2017 âm lịch bảo chị ký thì chị ký, khi ký thì do chị tin tưởng không đọc và nghĩ đây là số tiền đáo hạn vay ngân hàng nên chị ký. Chị xác định số tiền vay đáo hạn ngân hàng thì vợ chồng chị đã trả sau 3 ngày. Còn số tiền hiện nay ông K1 khởi kiện thì đến thời điểm ông K1 đến đòi tiền thì chị mới được biết và chị xác định đây là số tiền vay cá nhân của chồng chị vì chồng chị chơi bời cá nhân, khi vay thì vay lãi. Chị xác định nội dung chữ viết tại giấy vay tiền và chữ ký và chữ viết *"Nguyễn Văn C"* tại phần người vay tiền trong giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận đề ngày 25/10/2017 âm lịch là do chồng chị viết. Chị xác định đây là nợ riêng của anh C, nhưng chị vẫn đồng ý trả cùng với anh C.

Kể từ ngày vay đến nay chị xác đã trả được khoảng hơn 20 triệu tiền gốc, chị

sẽ cung cấp cho Tòa án trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 24/5/2024, còn lãi thì chồng chị trả được vài tháng, sau đó khó khăn xin không trả nữa và số tiền trả là trả vào tiền gốc.

Nay ông K1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả cho cá nhân ông K1 số tiền gốc là 95.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi tính 10%/năm, tính từ ngày 25/10/2017 âm lịch cho đến ngày xét xử thì chị đồng ý trả số tiền gốc, còn lãi thì xin được miễn không trả do khó khăn.

Vì lý do công việc nên chị xin ủy quyền cho chồng chị là anh Nguyễn Văn C tham gia tố tụng tại Tòa án từ giai đoạn thụ lý đến khi kết thúc vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành tốt, bị đơn chấp hành chưa tốt.

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 – Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc K1

1. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn C và chị Hà Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho cá nhân ông Nguyễn Ngọc K1 số tiền gốc là 95.000.000 đồng, và lãi từ kể từ ngày 25/10/2017 âm lịch (tức 12/12/2017 dương lịch) cho đến ngày xét xử là 6 năm 6 tháng 13 ngày là 62.093.056 đồng, nhưng được trừ đi 07 triệu tiền lãi anh C đã trả, còn lại là 55.093.056 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 150.093.056 đồng.

3. Về án phí: vợ chồng anh Nguyễn Văn C và chị Hà Thị T có nghĩa vụ liên đới chịu 7.504.652 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Ông Nguyễn Ngọc K1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh C và chị T trả số tiền gốc và lãi, xác định là quan hệ tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện H, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người nêu trên là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông K1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh C và chị T trả cho ông số tiền gốc 95.000.000 đồng, và lãi thì thấy: Ngày 25/10/2017 âm lịch (tức ngày 12/12/2017 dương lịch) hai bên đều xác định ông K1 cho anh C vay số tiền 95.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi, thời hạn vay 3 tháng, mục đích vay để phát triển kinh tế gia đình, còn chị T xác định đây là khoản vay riêng của anh C, nhưng cũng đồng ý trả cùng anh C. Ông K1 xác định, anh C đã trả được 7.000.000 đồng tiền lãi, còn vợ chồng anh C và chị T xác định trả được

20.000.000 đồng tiền gốc và lãi trả được vài tháng. Tòa án đã yêu cầu vợ chồng anh C cung cấp giấy tờ chứng minh cho việc đã trả, nhưng từ đó cho đến nay vợ chồng anh C không cung cấp. Do vậy, ý kiến của vợ chồng anh C đưa ra không có căn cứ. Như vậy, vợ chồng anh C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay ông K1 yêu cầu vợ chồng anh C phải trả cho cá nhân ông số tiền nợ gốc là: 95.000.000 đồng và trả lãi 10%/năm, tính từ ngày 25/10/2017 âm lịch (tức ngày 12/12/2017 dương lịch) là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Ông K1, anh C đều xác định là nợ chung của vợ chồng anh C, chị T xác định nợ riêng của anh C nhưng đồng ý trả cùng, ông K1 và bà U đều xác định là tài sản riêng của ông K1. Do vậy, buộc vợ chồng anh C phải có nghĩa vụ trả cho ông K1 là có căn cứ.

[5] Về lãi suất cho vay: Tại giấy biên nhận vay tiền đều không ghi mức lãi, phía nguyên đơn trình bày mức lãi cho vay là 10%/năm, bị đơn trình bày là lãi ngày, nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm kể từ ngày 25/10/2017 âm lịch (tức ngày 12/12/2017 dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm, khi vay có thời hạn trả. Như vậy, xác định là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Ông K1 yêu cầu trả mức lãi 10%/năm, xét thấy mức lãi là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận, thời gian tính lãi từ ngày 25/10/2017 âm lịch (tức ngày 12/12/2017 dương lịch) là ngày xét xử là 6 năm 6 tháng 13 ngày là 62.093.056. đồng, nhưng được trừ đi 7 triệu đồng tiền lãi anh C đã trả, còn lại là 55.093.056 đồng.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông K1 được chấp nhận nên vợ chồng anh C phải có nghĩa vụ liên đới chịu 7.504.652 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Ông K1 được hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 - Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 - Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc K1.

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn C và chị Hà Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho cá nhân ông Nguyễn Ngọc K1 số tiền gốc là 95.000.000 đồng, và lãi 55.093.056 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 150.093.056 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: vợ chồng anh Nguyễn Văn C và chị Hà Thị T có nghĩa vụ liên đới chịu 7.504.652 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả ông K1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.357.000 đồng theo biên lai số 0003884 ngày 15/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Sự